

Phụ lục 1
DANH SÁCH HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP CÓ MÃ VÙNG TRỒNG CÀNG CÙNG CỎ NĂM 2021
(Kèm theo Kế hoạch số 144/KH-UBND, ngày 29 tháng 4 năm 2021 của UBND tỉnh Đồng Tháp)

TT	Tên Hợp tác xã	Ngày tháng thành lập	Trụ sở làm việc		Giám đốc		Tổng số thành viên	Tổng diện tích đất HTX cung cấp dịch vụ (ha)	Vốn điều lệ (Tr đ)	Vốn điều lệ thực tế đã góp (Tr đ)	Tổng vốn hoạt động (Tr đ)	Trong đó		Kết quả kinh doanh năm 2019			Xếp loại (năm 2020)	Nội dung hoạt động dịch vụ
			Hiện trạng	Diện tích (m ²)	Họ tên Giám đốc	Điện thoại liên lạc						Vốn cố định (Tr đ)	Vốn lưu động (Tr đ)	Tổng doanh thu (Tr đ)	Tổng lãi (Tr đ)	Tổng lỗ (Tr đ)		
1	HTX xoài Mỹ Xương, xã Mỹ Xương	2011	Có	40	Võ Việt Hưng	0908679599	102	90	420	58	478	384	94	120	30	0	TB	SX & TT
2	HTX sản xuất lúa giống Mỹ Trà, xã Mỹ Trà	29/2/2012	Không		Cao Văn Tài	0949 894 753	81	157	244	244	587	193	394	358	6		TB	Sản xuất và tiêu thụ lúa giống, tưới tiêu
3	HTX DVNN Mỹ Tân	18/11/2018	Không		Võ Quốc Việt	0913787076	208	166	798	798	798	300	180	125	6		TB	Cung ứng vật tư đầu vào; liên kết tiêu thụ; lao động nông nghiệp; tưới tiêu; thu gom rác sinh hoạt; hỗ trợ sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ.
Tổng cộng:				40			391	413	1,462	1,100	1,863	877	668	603	42			

Phụ lục 2
DANH SÁCH HỢP TÁC XÃ, TỔ HỢP TÁC, HỘI QUÁN CÓ NHU CẦU HỖ TRỢ ĐĂNG KÝ TRUY XUẤT
NGUỒN GỐC, MÃ VÙNG TRỒNG

(Kèm theo Kế hoạch số 144/KH-UBND, ngày 29 tháng 4 năm 2021 của UBND tỉnh Đồng Tháp)

STT	Tên HTX	Địa chỉ	Loại cây trồng	Diện tích (ha)	Ghi chú
I	Hợp tác xã				
1	HTX Quyết hồng Lai Vung	xã Long Hậu, huyện Lai Vung	Cây có múi	5.95	
2	HTX Nông sản sạch Vĩnh Thới	xã Vĩnh Thới, huyện Lai Vung	Cam, quýt, mận	10.34	
3	HTX Thanh long VietGAP Phong Hòa	xã Phong Hoà, huyện Lai Vung	Thanh long ruột đỏ	78	
4	HTX DVNN xã Tân Khánh Trung	xã Tân Khánh Trung, huyện Lấp Vò	Xoài, nhãn	38	
5	HTX DVNN xã Mỹ An Hưng A	xã Mỹ An Hưng A, huyện Lấp Vò	Khoai môn	100	
6	HTX DVNN Đốc Bình Kiều	xã Đốc Bình Kiều, huyện Tháp Mười	Bưởi da xanh	11	
7	HTX DVNN Tân Kiều	xã Tân Kiều, huyện Tháp Mười	Mít	43,9	
8	HTX DVNN Mỹ An	xã Mỹ An, huyện Tháp Mười	Mít	171,87	
9	HTX DVNN Tân Khánh Đông	xã Tân Khánh Đông, Thành phố Sa Đéc	xoài	17.2	
10	HTX Bình Minh	xã Bình Tân, huyện Thanh Bình	Xoài	45,4	
11	HTX DVNN Mỹ Đông 2	xã Mỹ Đông, huyện Tháp Mười	lúa	500	
12	HTX sầu riêng	xã Phú Hựu, huyện Châu Thành	Sầu riêng	21	
13	HTX nông sản tân phú trung	xã Tân Phú Trung, huyện Châu Thành	Thanh long	15	
14	HTX DVNN Tịnh Thới	xã Tịnh Thới, thành phố Cao Lãnh	xoài	142	
15	HTX xoài Tân Thuận Tây	xã Tân Thuận Tây, thành phố Cao Lãnh	xoài	116	
16	HTX DVNN Tân Thuận Đông	xã Tân Thuận Đông, thành phố Cao	xoài, nhãn	100	
II	Tổ hợp tác				
1	THT trồng Thanh long ruột đỏ	Ấp Hòa Bình - xã Long Thắng, huyện Lai Vung	Thanh long	14.9	
2	THT liên kết Nhân xã Phong Hòa	Ấp Tân An - xã Phong Hòa, huyện Lai Vung	Nhãn	11.39	
3	Tổ hợp tác trồng Nhãn	Ấp Định Thành, xã Định Hòa, huyện Lai Vung	Nhãn	140	
4	Tổ hợp tác trồng Cây ăn trái	Ấp Định Phú, xã Định Hòa, huyện Lai Vung	Mít	11	
5	THT xoài Hòa Long	xã Hòa An, thành phố Cao Lãnh	xoài	28.5	
6	THT xoài hữu cơ Tân Thuận Tây	xã Tân Thuận Tây, thành phố Cao Lãnh	xoài	19.2	
7	THT Xoài khóm Mỹ Phú Cù Lao	Thị trấn Mỹ Thọ, huyện Cao Lãnh	Xoài	8.4	
8	THT Xoài khóm Mỹ Phú Đất Liền	Thị trấn Mỹ Thọ, huyện Cao Lãnh	Xoài	11.6	
9	THT Xoài khóm Mỹ Thới	Thị trấn Mỹ Thọ, huyện Cao Lãnh	Xoài	25	
10	THT xoài ấp Tân Bình	xã Tân Phú, huyện Châu Thành	xoài	20	
11	THT thanh long ruột đỏ ấp phú Nhuận	xã Tân Nhuận Đông, Châu Thành	Thanh long	13.5	
12	THT SX bưởi da xanh Tân Bình	xã Tân Bình, huyện Châu Thành	Bưởi da xanh	10	
III	Hội Quán				
1	Bình Tâm hội quán	Ấp Long Bình- xã Hòa Long, huyện Lai Vung	Thanh long	32.53	
2	Hội quán Thanh Tâm	Ấp, Định Phú, xã Định Hòa, huyện Lai Vung	Thanh Long	20	
3	Hội quán Nông Tân	xã Tân Long, huyện Thanh Bình	Xoài	25	
4	Hội quán Đất Ngọt	xã Tân Quới, huyện Thanh Bình	Xoài	70	
5	Hội quán Tân Mỹ	xã Tân Mỹ huyện Thanh Bình	Xoài	32.53	
6	Hội quán Tân Thạnh Phát	xã Tân Thạnh, huyện Thanh Bình	Xoài	20	

Phụ lục 3
HTX CỔ MÃ VÙNG TRÔNG, TRUY XUẤT NGUỒN GỐC DỰ KIẾN ĐƯỢC HỖ TRỢ LAO ĐỘNG NĂM 2021
(Kèm theo Kế hoạch số 144/KH-UBND, ngày 29 tháng 4 năm 2021 của UBND tỉnh Đồng Tháp)

STT	Tên HTX	Họ tên lao động	Năm sinh	Trình độ □	Chuyên ngành đào tạo	Vị trí công tác khi làm việc tại HTX	Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
	Tổng	12 lao động					689,040,000	
1	HTX nông sản Tân Phú Trung, huyện Châu Thành	Nguyễn Thị Tuyết Đào	1993	Cao đẳng	Kế toán	Kế toán HTX	55,260,000	
2	HTX DVNN Mỹ Ngãi, thành phố Cao Lãnh	Đặng Thị Cẩm Nhung	1989	Cao đẳng	Kế toán	Kế toán	61,740,000	
3	HTX DVNN Mỹ Tân, thành phố Cao Lãnh	Lâm Thị Ngọc Hà	1988	Đại học	kế toán	văn thư, kế toán	61,740,000	
4	HTX DVNN Tân Thuận Đông, thành phố Cao Lãnh	Lê Trường Linh	1989	Đại học	sư phạm Nông nghiệp	Phó Giám đốc	61,740,000	
5	HTX DVNN Mỹ Trà, thành phố Cao Lãnh	Nguyễn Thị Thanh Thảo	1993	Đại học	BVTV	Phó Giám đốc	61,740,000	
6	HTX DVNN Bình Hàng Tây, huyện Cao Lãnh	Nguyễn Văn Định	1992	Đại học	Quản trị kinh doanh	Giám đốc	55,260,000	
7	HTX DVNN xã Mỹ Long, huyện Cao Lãnh	Dương Thoại Mỹ	1992	Đại học	Quản trị kinh doanh	Giám đốc	55,260,000	
8	HTX DVNN Nhị Mỹ, huyện Cao Lãnh	Nguyễn Tấn Được	1991	Đại học	Khoa học môi trường	Phó Giám đốc	55,260,000	
9	HTX DVNN Bình Hàng Trung, huyện Cao Lãnh	Trần Trường Giang	1992	Cao đẳng	kế toán doanh nghiệp	Kế toán	55,260,000	
10	HTX DVNN Đốc Bình Kiều, huyện Tháp Mười	Nguyễn Văn Hoài Nghi	1992	Đại học	Quản trị kinh doanh	Phó giám đốc	55,260,000	
11	HTX DVNN Tân Kiều, huyện Tháp Mười	Nguyễn Hồng Điệp	1991	Đại học	Kế toán	Kế toán	55,260,000	
12	HTX DVNN Mỹ An, huyện Tháp Mười	Nguyễn Minh Nhứt	1989	Đại học	Quản trị kinh doanh	Phó giám đốc	55,260,000	

Phụ lục 4
HTX CÓ MÃ VÙNG TRỒNG, TRUY XUẤT NGUỒN GỐC DỰ KIẾN ĐƯỢC HỖ TRỢ ĐẦU TƯ KẾT CẤU HẠ TẦNG NĂM 2021
(Kèm theo Kế hoạch số 144/KH-UBND, ngày 29 tháng 4 năm 2021 của UBND tỉnh Đồng Tháp)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Tên Dự án	Tên HTX	Địa chỉ	Quy mô	Thời gian dự kiến KC-HT	Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn				Ghi chú
							NSTW	NSDP	HTX	Khác	
1	Xưởng sơ chế - chế biến sản phẩm nông sản	HTX Nông sản An toàn An Hòa	Ấp An Phú, xã An Nhơn	4.000m ²	2021-2022	10,000	8,000		2,000		
2	Nhà kho tập kết, bảo quản nông sản (nhà xưởng, kho lạnh,...)	HTX nông nghiệp hữu cơ An Phú Thuận	Ấp An Thạnh, xã An Phú Thuận, CT-ĐT	300m ²	2021	1,800	1,440		360		
3	Máy sấy nông sản			500 kg	2021	100	80		20		
4	Máy rửa xoài sau thu hoạch	HTX DVNN Tịnh Thới	Ấp Tịnh Châu, xã Tịnh Thới	10 tấn	04/2021	400	320		80		
5	Kho lạnh bảo quản xoài sau thu hoạch			100 tấn	04/2021	2,000	1,600		400		
6	Máy rửa xoài xử lý sau thu hoạch	HTX xoài Tân Thuận Tây	Ấp Tân Chủ xã Tân Thuận Tây	10 tấn	09/2021	800	770		30		
7	Sửa chữa, mở rộng Hợp tác xã				2021	200	190		10		
8	Chế biến xoài, mứt sấy các loại	HTX DVNN Bình Hàng Tây	Ấp 3, xã Bình Hàng Tây, HCL, ĐT	cuối 2021 đầu 2022	cuối 2021 đầu 2022	300	240		60		
9	Hệ thống sơ chế, chế biến nước cốt chanh, sản phẩm chế biến từ chanh	HTX DVNN Mỹ Long	Ấp 2 xã Mỹ Long	Vừa	2021	800	640		160		
10	Kho bảo quản (kho mát) nhiệt 12độ	HTX xoài Mỹ Xương	ấp Mỹ Thới	48m ²	2021	400	320		80		
11	Cửa hàng trưng bày sản phẩm	HTX DVNN Bình Hàng Trung	ấp 4 xã Bình Hàng Trung huyện Cao Lãnh tỉnh Đồng Tháp	40 m ²	năm 2021	40	32		8		
12	Cổng hồ điển hình ô 8 (cổng Thủy lợi)	HTX DVNN Nhị Mỹ	ấp Bình Nhứt, xã Nhị Mỹ	dài 12m, khẩu độ 3m	năm 2021	420	336		84		
13	Cổng hồ điển hình ô 8 (cổng Tư Xích)		ấp Bình Nhứt, xã Nhị Mỹ	dài 15m, khẩu độ 3m	năm 2021	500	400		100		
14	Xây dựng nhà kho, phân xưởng, chế biến vùng trồng mới cây có múi và chế biến tiêu thụ hàng nông sản, sản xuất phân hữu cơ truyền thống	HTX Nông sản sạch Vĩnh Thới	ấp Hòa Định xã Vĩnh Thới huyện Lai Vung tỉnh Đồng Tháp	4ha	2021-2025	14,000	11,200		2,800		
TỔNG CỘNG:						31,760	25,568	-	6,192		-